

VĂN PHÒNG ĐKĐĐ TỈNH QUẢNG NGÃI
CHI NHÁNH KHU VỰC V

Số: 226 /CCTT-CNKV

V/v phối hợp cung cấp thông tin về cơ sở
Dữ liệu đất đai, lập trích lục thửa đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Phước Giang, ngày 28 tháng 7 năm 2025

Kính gửi: Phòng kinh tế xã Phước Giang

Thực hiện nội dung Công văn số 12/KT ngày 23/7/2025 của Phòng Kinh tế xã Phước Giang. Căn cứ theo Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh quy định phê duyệt điều chỉnh Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh. Tại bước 3, thủ tục số 5 kèm theo Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 27/6/2025, xử lý hồ sơ tại Chi nhánh, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực V cung cấp thông tin HSĐC thửa đất số 353, tờ bản đồ số 18, xã Phước Giang bản đồ đo vẽ năm 2014, của hộ ông Nguyễn Trung Hải, như sau:

1. Kiểm tra thông tin về cơ sở dữ liệu đất đai:

- Cung cấp thông tin về cơ sở dữ liệu đất đai: Thửa đất nêu trên đã được cấp GCN có số vào sổ CH05119, số phát hành BT831389, ngày 30/6/2014.

(Kèm theo trích lục bản đồ địa chính thửa đất,)

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực V trả lời theo yêu cầu Phòng Kinh tế xã Phước Giang.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND xã Phước Giang (Biết);
- Lưu: VT, HS. (vũ)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

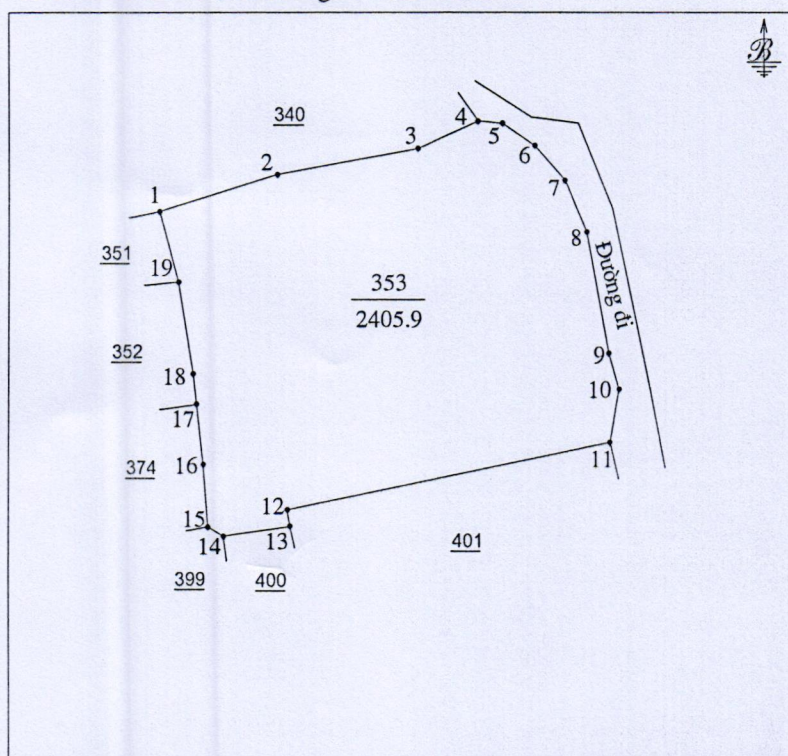


Cao Ngọc Thanh

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

1. Số hiệu thửa đất: 353 Tờ bản đồ địa chính: 18
Địa chỉ thửa đất: xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi
2. Diện tích: 2405.9m² Loại đất: ONT: 300m²; CLN: 2105.9m²
Tài liệu đo đạc: Theo bản đồ địa chính được nghiệm thu năm 2015
3. Tên người sử dụng đất, Người quản lý đất: hộ ông Nguyễn Trung Hải
4. Giấy chứng nhận: Đã cấp GCN
5. Tình hình thay đổi ranh giới (nếu có): không
6. Các thông tin khác cần trích lục:.....
7. Sơ đồ thửa đất, tài sản gắn liền với đất:

8. Kích thước đỉnh thửa:



Đỉnh	Tọa độ đỉnh thửa		Chiều dài đỉnh (m)
	X	Y	
1	1664545,31	581817,45	16,55
2	1664550,24	581833,25	19,01
3	1664553,72	581851,94	8,78
4	1664557,32	581859,95	3,24
5	1664557,08	581863,18	5,23
6	1664554,14	581867,51	6,18
7	1664549,48	581871,57	7,46
8	1664542,63	581874,52	16,52
9	1664526,38	581877,52	5,02
10	1664521,57	581878,95	7,13
11	1664514,55	581877,72	43,99
12	1664505,51	581834,67	2,19
13	1664503,34	581834,99	8,98
14	1664501,98	581826,11	2,43
15	1664503,22	581824,02	8,32
16	1664511,52	581823,43	8,02
17	1664519,49	581822,50	4,10
18	1664523,56	581822,03	12,46
19	1664535,86	581820,04	9,80
1	1664545,31	581817,45	

Người trích lục

Trần Quang Vũ

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH QUẢNG NGÃI
CHI NHÁNH KHU VỰC V

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Cao Ngọc Thanh